TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2021/KDTM-PT
Ngày 25-01-2021
V/v kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tấn;

Bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bé - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 38/2020/TLPT-KDTM ngày 27/10/2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tổng đại lý và kiện đòi tài sản".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2020/QĐ-PT ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty VT (Vi Gas); địa chỉ trụ sở: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều M, sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị Hương G, sinh năm: 1975; cùng địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 09/11/2020), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH H; địa chỉ trụ sở: thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1991, ông Nở Tiến C, sinh năm: 1996; cùng địa chỉ: thành phố D, tỉnh Bình Dương (là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17/01/2020), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Người kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn: Công ty VT (Vi Gas);

3.2. Bị đơn: Công ty TNHH H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn trình bày:*

Công ty VT (sau đây gọi tắt là Công ty Vi Gas) là đối tác làm ăn với Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H). Ngày 10/01/2008, Công ty Vi Gas và Công ty H ký Hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ LPG số 09/HĐ/2008, ngày 15/3/2010 ký Hợp đồng tổng đại lý phân phối khí hóa lỏng (LPG) số 38/HĐ/VMG-TĐL/2010, theo đó Công ty H nhận làm tổng đại lý phân phối sản phẩm khí đốt hóa lỏng mang thương hiệu Vi Gas do Công ty Vi Gas cung cấp. Số lượng gas và vỏ bình giao nhận thực tế hàng tháng sẽ được nêu trong phụ lục hợp đồng hoặc trực tiếp thỏa thuận thông qua hóa đơn bán hàng. Vỏ bình gas thuộc sở hữu của Công ty Vi Gas; loại vỏ bình 12kg, Công ty H phải ký quỹ để mượn vỏ bình gas.

Căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 18/8/2009, Công ty H xác nhận còn nợ 168.610.000 đồng tiền ký quỹ tương ứng với 707 vỏ gas 12kg. Ngày 02/7/2010, Công ty H thanh toán 21.100.000 đồng, ngày 03/7/2010 thanh toán tiếp 42.200.000 đồng tiền nợ gas, đồng thời phát sinh thêm 61.248.000 đồng nợ gas dân dụng nên số tiền nợ gas giảm xuống 2.052.000 đồng. Tại giấy xác nhận nợ ngày 03/8/2010, Công ty H xác nhận còn nợ Công ty Vi Gas 361.193.972 đồng bao gồm 298.943.972 đồng nợ LPG và 62.250.000 đồng tiền ký quỹ (khoản nợ này không bao gồm 168.610.000 đồng) và 593 vỏ bình gas loại 45-50kg. Như vậy, Công ty H nợ tổng số tiền 527.751.972 đồng và 593 vỏ bình gas loại 45-50kg. Từ khi lập giấy xác nhận công nợ đến nay, nhiều lần Công ty Vi Gas nhắc nhở trả nợ nhưng Công ty H không trả. Nay Công ty Vi Gas yêu cầu Công ty H thanh toán các khoản sau:

+ Tiền nợ 527.751.972 đồng;

+ Bồi thường trị giá 593 vỏ bình gas loại 45-50kg với giá 1.400.000 đồng/bình thành tiền là 830.200.000 đồng.

Tổng cộng là 1.357.951.972 đồng.

* *Bị đơn trình bày*: Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về việc ký kết, thực hiện hợp đồng và các giấy xác nhận về các khoản nợ. Tuy nhiên, bị đơn đã trả hết số tiền nợ cũng như vỏ bình cho nguyên đơn kể từ sau khi chấm dứt hợp đồng. Tài liệu chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ và vỏ bình thì hiện nay bị đơn không còn lưu trữ do thời gian đã quá lâu. Bị đơn đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu khởi kiện.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VT đối với bị đơn Công ty TNHH H.

Buộc bị đơn Công ty TNHH H có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty VT trị giá 593 vỏ bình gas 45-50kg là 616.720.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VT về việc buộc bị đơn Công ty TNHH H trả khoản tiền ký quỹ của 707 vỏ bình 12 kg là 168.610.000 đồng và 213.480.000 đồng trị giá vỏ bình gas 45-50kg.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VT về việc buộc bị đơn Công ty TNHH H trả tiền khí gas là 359.141.972 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, quyền kháng cáo, kháng nghị, quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 17/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo (đề ngày 12/8/2020) của nguyên đơn Công ty VT kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo (đề ngày 24/8/2020) của bị đơn Công ty TNHH H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với phần quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đối với số tiền nợ 361.193.9724 đồng: Thời hiệu khởi kiện đã hết, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn có quyền khởi kiện vụ án đòi tài sản theo quy định. Đối với 168.610.000 đồng tiền ký quỹ: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vỏ bình gas là tài sản của nguyên đơn cho bị đơn mượn, do bị đơn không ký quỹ nên hai bên mới thống nhất chuyển đổi vỏ bình thành tiền ký quỹ, yêu cầu này của nguyên đơn không xem xét áp dụng thời hiệu là có căn cứ. Nguyên đơn xác nhận khoản tiền ký quỹ chỉ được ghi nhận, theo dõi trong quá trình thu nợ của sổ sách Kế toán Công ty nhưng lại không cung cấp được các sổ sách cho Tòa án nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở. Đối với số vỏ bình 45-50 kg là tài sản của nguyên đơn cho bị đơn mượn, yêu cầu đòi lại tài sản

không áp dụng thời hiệu. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 593 vỏ bình gas loại 45 và 50 kg nên phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn, trường hợp làm mất thì phải bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến và Kiểm sát viên phát biểu quan điểm; sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Ngày 05 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố D xét xử sơ thẩm vụ án và ban hành Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST. Ngày 17/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo (đề ngày 12/8/2020) của nguyên đơn Công ty VT. Ngày 26/8/2020, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo (đề ngày 24/8/2020) của bị đơn Công ty TNHH H. Người kháng cáo nộp đơn kháng cáo trong thời hạn, đóng tạm ứng án phí đúng quy định tại các Điều 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Thanh H và ông Nở Tiến C, cả hai người đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty H có văn bản ủy quyền cho ông Lê Thanh H và ông Nở Tiến C nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ làm việc với ông H mà không ghi nhận ý kiến của ông C là có thiếu sót, tuy nhiên, bị đơn không kháng cáo nội dung này, đồng thời trong đơn xin vắng mặt ghi ngày 05/01/2021, ông C xác định thống nhất với các quan điểm và tài liệu chứng cứ do ông H đã cung cấp nên không xem vấn đề này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm.

Về nội dung:

[4] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất về việc ký kết Hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ LPG số 09/HĐ/2008 ngày 10/01/2008 và Hợp đồng tổng đại lý phân phối khí hóa lỏng (LPG) số 38/HĐ/VMG-TĐL/2010 ngày 15/3/2010. Các bên đã thực hiện đối chiếu công nợ theo Biên bản làm việc ngày 18/8/2009, các Giấy xác nhận nợ ngày 18/8/2009 và ngày 03/8/2010. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là các tình tiết sự kiện không phải chứng minh là phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản nợ 527.751.972 đồng, trong đó có 168.610.000 đồng tiền ký quỹ tương ứng với 707 vỏ gas 12kg theo Biên bản làm việc ngày 18/8/2009; 296.891.972 đồng nợ LPG, 62.250.000 đồng

tiền ký quỹ và bồi thường trị giá 593 vỏ bình gas loại 45/50kg là 830.200.000 đồng theo Giấy xác nhận nợ ngày 03/8/2010.

[6] Nguyên đơn kháng cáo đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả khoản tiền ký quỹ của 707 vỏ bình 12 kg là 168.610.000 đồng và tiền khí gas còn nợ là 359.141.972 đồng, thống nhất với phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với giá trị chênh lệnh vỏ bình gas 213.480.000 đồng.

[7] Bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn trị giá 593 vỏ bình gas loại 45-50kg là 616.720.000 đồng.

Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

[8] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền và bình gas còn nợ theo Hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ LPG số 09/HĐ/2008 ngày 10/01/2008 và Hợp đồng tổng đại lý phân phối khí hóa lỏng (LPG) số 38/HĐ/VMG-TĐL/2010 ngày 15/3/2010. Hai bên đã chốt công nợ lần sau cùng tại Giấy xác nhận nợ ngày 03/8/2010. Mặc dù các bên không thực hiện thanh lý hợp đồng nhưng các bên đã thực hiện đối chiếu công nợ và thừa nhận Hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ LPG số 09/HĐ/2008 và Hợp đồng tổng đại lý số 38/HĐ/VMG-TĐL/2010 đã được các bên chấm dứt từ sau ngày 03/8/2010. Khoản nợ tiền gas 359.141.972 đồng theo Biên bản xác nhận ngày 03/8/2010 và khoản nợ tiền ký quỹ 168.610.000 đồng theo Biên bản làm việc ngày 18/8/2009 và Giấy xác nhận nợ ngày 18/8/2009 phát sinh từ nghĩa vụ thanh toán của các hợp đồng trên. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn thừa nhận kể từ sau khi xác nhận công nợ cuối cùng ngày 03/8/2010 khoản nợ trên chưa được bị đơn thanh toán, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc bị đơn trả nợ nhưng việc nhắc nợ chỉ thực hiện thông qua điện thoại mà không có văn bản. Bị đơn không thừa nhận việc nguyên đơn có nhắc nợ. Quá trình tố tụng bị đơn có yêu cầu Tòa án áp dụng về thời hiệu. Theo quy định tại Điều 319 Luật Thương mại: "Thời hiệu khởi kiện áp dụng đối với các tranh chấp thương mại là hai năm, kể từ thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 237 của Luật này". Theo thỏa thuận tại điểm 4.1.3 mục 4.1 Điều 4 Hợp đồng tổng đại lý số 38/HĐ/VMG-TĐL/2010 ngày 15/3/2010 thì: "Khi chấm dứt hợp đồng, hai bên phải lập biên bản xác nhận, đối chiếu công nợ trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày một trong hai bên thông báo chấm dứt hợp đồng. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo chấm dứt hợp đồng, bên B phải trả cho bên A toàn bộ số bình 45kg, 50kg đã mượn và hai bên có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền công nợ …, ngoại trừ tiền ký quỹ vỏ bình 12kg…Bên A chỉ trả tiền ký quỹ 12 kg khi bên B đã trả toàn bộ số lượng bình 12kg đã mượn ký quỹ và cung cấp cho bên A đầy đủ các chứng từ (bản gốc) mượn ký quỹ…, trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày ký biên bản xác nhận, đối chiếu công nợ giữa hai bên…". Các bên đều thừa nhận đã đối chiếu công nợ và Hợp đồng tổng đại lý số 38/HĐ/VMG-TĐL/2010 đã chấm dứt vào cuối năm 2010. Biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 03/8/2010, tính đến thời điểm nguyên đơn

khởi kiện đã hơn 09 năm, nguyên đơn không chứng minh được hai bên có thỏa thuận khác về thời hạn thanh toán nợ nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng đã hết. Tuy nhiên, nguyên đơn có quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 155, khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng tổng đại lý và kiện đòi tài sản" là không chính xác, từ đó dẫn đến việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ không đúng pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[9] Đối với khoản tiền ký quỹ của 707 vỏ bình 12 kg quy đổi thành 168.610.000 đồng theo Biên bản làm việc ngày 18/8/2009 và Giấy xác nhận nợ ngày 18/8/2009: Các đương sự thừa nhận do bị đơn không ký quỹ nên hai bên thống nhất chuyển đổi vỏ bình thành tiền ký quỹ. Nguyên đơn cho rằng số tiền ký quỹ này không có trong số tiền nợ được ghi nhận tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 03/8/2010 mà chỉ được ghi nhận, theo dõi trong quá trình thu nợ của sổ sách kế toán Công ty nhưng lại không cung cấp được các sổ sách. Tại Biên bản xác nhận nợ ngày 03/8/2010, bị đơn xác nhận không còn nợ nguyên đơn vỏ bình 12kg, tại cột tiền ký quỹ cũng không được nguyên đơn ghi số tiền mà bị đơn còn nợ. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

[10] Đối với khoản nợ 361.193.972 đồng: Nguyên đơn xác định trong khoản nợ 361.193.972 đồng có 298.943.972 đồng nợ tiền gas và 62.250.000 đồng tiền ký quỹ của loại vỏ bình 12kg. Số tiền nợ này được bị đơn thừa nhận tại Giấy xác nhận nợ ngày 03/8/2010. Tuy nhiên, khoản nợ tiền gas 298.943.972 đồng có 2.052.000 đồng đã được bị đơn thanh toán trong tiền nợ gas dân dụng vào tháng 7/2010 nên số tiền thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2016 là 296.891.972 đồng. Tại giấy xác nhận nợ ngày 03/8/2010 ghi "…tiến hành đối chiếu và xác nhận các khoản công nợ chi tiết như sau: Tính đến hết ngày 30/6/2010 bên B còn nợ Vi Gas các khoản sau: Số tiền gas 361.193.972 đồng…". Nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán 2.052.000 đồng vào tháng 7/2010. Như vậy, có căn cứ xác định đến ngày 03/8/2010, bị đơn còn nợ nguyên đơn 359.141.972 đồng tiền gas, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ này là có căn cứ chấp nhận.

[11] Đối với 593 vỏ bình gas loại 45-50kg: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thống nhất với số lượng vỏ bình gas như ý kiến của nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận có đối chiếu và xác nhận công nợ theo biên bản làm việc ngày 18/8/2009, các giấy xác nhận nợ ngày 18/8/2009 và ngày 03/8/2010 nhưng cho rằng sau đó đã trả hết cho nguyên đơn, tuy nhiên, lời trình bày của bị đơn không có chứng cứ chứng minh. Bị đơn kháng cáo cho rằng giá trị vỏ bình gas theo kết quả định giá là vỏ bình mới được khấu hao thời hạn một năm, trong khi bị đơn nhận vỏ bình gas đã qua sử dụng nên giá trị sẽ thấp hơn, đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bồi thường giá trị mà không cho bị đơn trả số bình gas là không hợp lý.

Xét thấy, các đương sự đều không cung cấp được nguồn gốc, xuất sứ số vỏ bình gas còn nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn cho rằng số vỏ bình giao cho bị đơn là vỏ bình mới, lời trình bày của bị đơn phù hợp với thỏa thuận tại điểm 5.1.2 mục 5.1 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc tiêu thụ LPG số 09/HĐ/2008: "Nguyên đơn có nghĩa vụ cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho bình mới". Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ kết quả định giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 28/7/2020 để xác định giá trị thực tế còn lại của vỏ bình là 1.040.000 đồng/vỏ là có căn cứ. Nguyên đơn chấp nhận kết quả định giá thấp hơn giá trị yêu cầu bồi thường theo thỏa thuận (1.400.000 đồng/vỏ, chênh lệch theo yêu cầu khởi kiện là 213.480.000 đồng/vỏ) là có lợi cho bị đơn. Bị đơn không chứng minh được giá trị thực tế của số vỏ bình chưa trả, đồng thời cho rằng không còn nợ vỏ bình của nguyên đơn nên đưa ra yêu cầu trả vỏ bình là không hợp lý. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn giá trị của 593 vỏ bình loại 45kg-50kg là phù hợp.

[12] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D. Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa có một phần phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty VT; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH H.

Sửa một phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2020/KDTM-ST ngày 05/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VT đối với bị đơn Công ty TNHH H về việc đòi tài sản.

Buộc bị đơn Công ty TNHH H trả cho Công ty VT số tiền nợ là 359.141.972 (ba trăm năm mươi chín triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng và trị giá 593 vỏ bình gas 45-50kg là 616.720.000 (sáu trăm mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn) đồng. Tổng cộng là 975.861.972

đồng (chín trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn chín trăm bảy mươi hai đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty VT về việc buộc bị đơn Công ty TNHH H trả khoản tiền ký quỹ của 707 vỏ bình 12 kg là 168.610.000 (một trăm sáu mươi tám triệu sáu trăm mười nghìn) đồng và 213.480.000 (hai trăm mười ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn) đồng trị giá vỏ bình gas 45/50kg, tổng cộng: 382.090.000 (ba trăm tám mươi hai triệu không trăm chín mươi nghìn) đồng.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH H phải chịu 41.275.859 đồng (bằng chữ: Bốn mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi chín đồng).

- Công ty VT phải chịu 19.104.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.977.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0039981 ngày 08/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương. Công ty VT còn phải nộp 127.500 (bằng chữ: Một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm) đồng.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty VT không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương trả lại cho Công ty VT 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048517 ngày 19/8/2020 và số 0048791 ngày 27/10/2020.

Công ty TNHH H không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương trả lại cho Công ty TNHH H 2.000.000 đồng theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048539 ngày 27/8/2020 và số 0048792 ngày 27/10/2020.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND TP. D;
- Chi cục THADS TP. D;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa KT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết Thanh